

PHỤ LỤC SỐ 2

KHU VỰC VÀ ĐỊA ĐIỂM BÁN BUÔN THAN

(kèm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 323-TTg ngày 24-12-1974)

Khu vực	Địa điểm bán than
Khu vực I (2 tỉnh) — Quảng-ninh — Hải-phòng	Bến Cửa ông, Hòn-gai, Điền-công, Mạo-khê và bãi vật tư Bãi Cửa cấm, An-dương, thị xã Kiến-an
Khu vực II (4 tỉnh) — Hà-nội — Hải-hung — Hà-bắc — Thái-bình	Bãi Phà-den, Giáp-nhị, Cồ-loa Bãi thị xã Hải-dương, thị xã Hưng-yên, thị trấn Kinh-môn Bãi thị xã Bắc-ninh, thị xã Bắc-giang Bãi thị xã Thái-bình
Khu vực III (19 tỉnh và Vĩnh-linh) — Nam-hà — Ninh-bình — Thanh-hóa — Nghệ-an — Hà-tĩnh — Quảng-bình — Vĩnh-linh — Hà-tây — Hòa-bình — Sơn-la — Lai-châu — Vinh-phú — Yên-bái — Lao-cai — Nghĩa-lộ — Tuyên-quang — Hà-giang — Bắc-thái — Lạng-sơn — Cao-bằng	Bãi thị xã Phú-lý, thị xã Nam-định Bãi thị xã Ninh-bình Bãi thị xã Thanh-hóa Bãi thành phố Vinh Bãi Gia-lách (Nghì-xuân), Đò-diêm (Thạch-hà) Bãi Cánh Gianh, thị xã Đồng-hới Bãi Hồ-xá Bãi Yên-thịnh (Sơn-tây), Thương-tín và thị xã Hà-đồng Bãi thị xã Hòa-bình Bãi thị xã Sơn-la, Mộc-châu Bãi thị xã Lai-châu Bãi Đa-phúc, Phúc-yên, Vinh-yên, Việt-trì, Phú-thọ Bãi thị xã Yên-bái Bãi thị xã Lao-cai Bãi thị xã Nghĩa-lộ Bãi thị xã Tuyên-quang Bãi thị xã Hà-giang Bãi thị xã Thái-nguyên Bãi thị xã Lạng-sơn Bãi thị xã Cao-bằng

QUYẾT ĐỊNH số 323-TTg ngày 24-12-1974 về giá bán buôn gỗ tròn và gỗ xẻ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị quyết số 210-CP ngày 9 tháng 9 năm 1974 của Hội đồng Chính phủ về phương hướng nhiệm vụ giá cả trong hai năm 1974 — 1975 ;

Theo đề nghị của Ủy ban Vật giá Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay quy định giá bán buôn một mét khối (1m³) gỗ tròn và một mét khối (1m³) gỗ xẻ tiêu chuẩn tại các địa điểm trên phương tiện bên mua như ghi trong các phụ lục số 1, số 2 và số 3 kèm theo quyết định này.

Điều 2. — Giá bán gỗ nói ở điều 1 áp dụng đối với :

— Các công trường, nông trường, xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh trung ương, địa phương và cơ quan Nhà nước ;

— Các hợp tác xã thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp làm gia công hoặc mua nguyên liệu, bán thành phẩm cho Nhà nước (trong phạm vi số lượng gỗ được ghi chi tiêu kế hoạch Nhà nước hàng năm và do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phân phối) ;

— Các hợp tác xã nông nghiệp, diêm nghiệp, ngư nghiệp, chăn nuôi, vận tải dùng gỗ để làm các việc : xây dựng cơ sở sản xuất cho kinh tế tập thể, làm thủy lợi, sản xuất và sửa chữa nông cụ, công cụ, đóng thuyền, xây dựng các công trình phúc lợi tập thể (trong phạm vi số lượng gỗ được ghi trong chi tiêu kế hoạch Nhà nước hàng năm và do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phân phối).

Điều 3. — Ủy ban Vật giá Nhà nước căn cứ giá chuẩn nói ở điều 1, đề quy định giá bán buôn các loại gỗ tròn, gỗ xẻ và gỗ chuyên dùng sau khi thỏa thuận với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Tổng cục Lâm nghiệp.

Ủy ban Vật giá Nhà nước được ủy quyền quy định giá bán lẻ gỗ sau khi thỏa thuận với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Nội thương.

Điều 4. — Ủy ban Vật giá Nhà nước cùng Bộ Tài chính, Bộ Nội thương và các Bộ có liên quan nghiên cứu biện pháp chủ động giải quyết tác động của việc điều chỉnh giá bán buôn gỗ theo hướng :

— Đối với các xí nghiệp quốc doanh, trên cơ sở soát lại định mức sử dụng, sẽ tính toán lại các khoản lãi phải nộp ngân sách hoặc các khoản lỗ được ngân sách cấp bù.

— Đối với hợp tác xã, trên cơ sở tăng cường quản lý các định mức và giá thu mua, giá gia công hiện nay, sẽ tính toán lại cho sát để giải quyết cho thỏa đáng.

— Hết sức hạn chế ảnh hưởng đối với những mặt hàng tiêu dùng chủ yếu của nhân dân.

Điều 5. — Quyết định này thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1975.

Tất cả các văn bản về giá bán buôn gỗ tròn, gỗ xẻ đã ban hành trước đây đều bãi bỏ.

Điều 6. — Ủy ban Vật giá Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Hà-nội, ngày 24 tháng 12 năm 1974

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

PHỤ LỤC SỐ 1

BẢNG GIÁ BÁN BUÔN 1m³ GỖ TRÒN TIÊU CHUẨN (★)

(kèm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 323-TTg ngày 24-12-1974)

Nhóm gỗ	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
	đồng/m ³	đồng/m ³	đồng/m ³
I	480	520	550
II	375	410	435
III	280	310	330
IV	190	215	235
V	125	145	160
VI	85	103	112
VII	70	87	96
VIII	60	77	86

(★) Tiêu chuẩn gỗ :

— Đường kính (đầu nhỏ) từ 35 đến 39 cm, chiều dài từ 4 đến 4,90m ;

— Phạm cấp trung bình (hạng B) theo quyết định số 358-KHKT/QĐ ngày 23-12-1971 của Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước.

Gỗ giao tại các địa diêm quy định trong phụ lục số 3.

PHỤ LỤC SỐ 2

BẢNG GIÁ BÁN BUÔN GỖ XÈ (★)

(kèm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 323-TTg ngày 24-12-1974)

KHU VỰC	QUY CÁCH		Nhóm I (đồng/m ³)	Nhóm II (đồng/m ³)	Nhóm III (đồng/m ³)	Nhóm IV (đồng/m ³)	Nhóm V (đồng/m ³)	Nhóm VI (đồng/m ³)	Nhóm VII (đồng/m ³)	Nhóm VIII (đồng/m ³)
	Dài (m)	Dây × rộng (cm)								
Khu vực I	Từ 4 đến 4,90	3×12 đến 3×20	1.013	816	606	418	315	220	180	160
	Từ 4 - 4,90	6×6 - 6×12	938	753	560	385	285	200	162	145
Khu vực II	Từ 4 - 4,90	3×12 - 3×20	1.063	857	645	453	336	240	203	184
	Từ 4 - 4,90	6×6 - 6×12	990	795	600	420	308	222	186	168
Khu vực III	Từ 4 - 4,90	3×12 - 3×20	1.095	880	664	474	345	245	206	190
	Từ 4 - 4,90	6×6 - 6×12	1.023	820	620	442	318	224	190	175

(★) Gỗ giao tại các địa điểm quy định trong phụ lục số 3.

PHỤ LỤC SỐ 3
KHU VỰC VÀ ĐỊA ĐIỂM
BÁN BUÔN GỖ TRÒN VÀ GỖ XÈ
(kèm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ
số 323-TTg ngày 24-12-1974)

Khu vực	Địa điểm bán gỗ	
	Gỗ tròn	Gỗ xè
Khu vực I	Tại kho, bãi của lâm trường (bãi II)	Tại các xí nghiệp xè gỗ
Khu vực II	Vinh-linh Thị trấn Hồ-xá Quảng-bình Thị xã Đồng-hới, thị trấn Ba-dồn Hà-tĩnh Thị xã Hà-tĩnh, thị trấn Đức-thọ Nghệ-an Bến-thủy, Chợ Đuôi, Thái-hòa, Linh-sơn Thanh-hóa Hàm-rồng, Đò-lèn, Yên-thái (Nông-cống) Hòa-bình Phương-lâm, Chi-nê Yên-bái Thị xã Yên-bái, ga Yăn-phú Vinh-phú Thị xã Phú-thọ (Ngọc-tháp), thị trấn Đoan-hùng, thành phố Việt-tri Bắc-thái Thị xã Bắc-cạn, thành phố Thái-nguyên Hà-bắc Thị xã Bắc-giang, ga Kép, Đáp-cầu Quảng-ninh Thị xã Hồng-gai Cao-băng Thị xã Cao-băng Hà-giang Thị xã Hà-giang, thị trấn Vinh-tuy Tuyên-quang Thị xã Tuyên-quang Sơn-la Hát-lót Nghĩa-lộ Thị xã Nghĩa-lộ Lai-châu Thị xã Lai-châu Lạng-sơn Thị xã Lạng-sơn Lào-cai Thị xã Lào-cai	
Khu vực III	Hà-nội Giáp-bát, Chèm Hải-phòng Quỳnh-cư Hải-hưng Thị xã Hải-dương, thị xã Hưng-yên Nam-hà Thành phố Nam-định, thị xã Phủ-lý, Cửa-vĩnh Hà-tây Thị xã Hà-đông, thị xã Sơn-tây Thái-bình Sú (Vũ-thư), Hòa-bình (Kiến-xương), Cầu Nguyễn (Đông-hưng) Ninh-bình Thị xã Ninh-bình, thị trấn Nho quan	

09668050